

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST

Ngày 20/6/2025

V/v: Tranh chấp nợ

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Dương Đức Bản

Ông Trần Xuân Văn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hoà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Hoàng Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 214/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 84/2025/QĐST-DS ngày 27/5/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị B, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số A T, tổ dân phố A, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

**Đại diện theo uỷ quyền của bà B:** Chị Phan Thị Hồng T

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số I đường T, tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

+ Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ B, tổ dân phố G, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ: Tổ A, tổ dân phố G, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969

Địa chỉ: Số A N, tổ dân phố H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hòa giải và phiên toà bà Phạm Thị B và người đại diện theo uỷ quyền của bà B (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Từ chỗ quen biết nên trước năm 2021 bà Nguyễn Thị L đã nhiều lần mượn tiền của nguyên đơn để xử lý công việc gia đình và đã trả lại tiền cho nguyên đơn theo đúng cam kết. Năm 2021 bà Nguyễn Thị L tiếp tục mượn tiền 04 lần và đã viết và ký vào giấy mượn tiền với tổng số tiền vay 184.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu đồng), cụ thể: Ngày 15/4/2021 bà Nguyễn Thị L đến nhà nguyên đơn vay 50.000.000 đồng; ngày 13/5/2021 bà Nguyễn Thị L đến nhà vay nguyên đơn 30.000.000 đồng; ngày 30/6/2021 bà Nguyễn Thị L đến nhà nguyên đơn vay 54.000.000 đồng và ngày 11/4/2022 bà Nguyễn Thị L đến nhà nguyên đơn vay 50.000.000 đồng. Để có tiền cho bà Nguyễn Thị L vay nguyên đơn đã vay của ông Phạm Văn T1 20.000.000 đồng; bà Phạm Thị H 20.000.000 và bà Nguyễn Thị X 24.000.000 đồng, toàn bộ số tiền nguyên đơn vay của ông T1, bà H và bà X nguyên đơn đã chủ động thanh toán đủ cho những người này. Bà Nguyễn Thị L vay 04 lần tiền năm 2021, 2022 không trả đúng hạn như cam kết mà còn trốn tránh, đã nhiều lần nguyên đơn liên hệ và đến nhà nhưng bà L không trả. Để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của mình, nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình buộc bà Nguyễn Thị L trả lại số tiền đã vay của nguyên đơn 184.000.000 đồng (Một trăm tám mươi tư triệu đồng). Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi suất chậm trả.

Tại Bản tự khai ngày 10/12/2024 và ngày 18/3/2025 bà Nguyễn Thị L (viết tắt là bị đơn) trình bày: Bị đơn và nguyên đơn không quen biết nhau, trước đây bị đơn ở B sau đó chuyển vào Đ sinh sống thì gặp nguyên đơn và được giới thiệu là người ghi đề và ghi lần nào cũng trúng, sau đó nguyên đơn điện thoại cho bị đơn ghi đề, khi trúng đề thì nguyên đơn đưa tiền lên cho bị đơn, không trúng đề thì bị đơn đưa tiền xuống cho nguyên đơn, sau mấy ngày đều trúng đề nên bị đơn không ghi nữa. Sau đó nguyên đơn đứng ra vay cho bị đơn 50.000.000 đồng tại bà X. Bị đơn thừa nhận giấy vay tiền ngày 11/4/2022 do bị đơn viết và ký nhưng bị đơn đã trả hết số tiền trên cho nguyên đơn mà không xé giấy vay. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ, bị đơn không chấp nhận vì bị đơn đã trả hết nợ. Đối với các giấy vay tiền ghi ngày 15/4/2021, ngày 13/5/2021 và ngày 30/6/2021 bị đơn không chấp nhận. Mặc dù kết quả giám định đúng chữ ký, chữ viết của bị đơn trong các giấy vay tiền nhưng bị đơn đã trả hết toàn bộ tiền nợ cho nguyên đơn tại các giấy nợ này. Đối với giấy vay tiền ngày 11/4/2022 bị đơn ghi Trần Thị L1 là do sợ con biết nên bị đơn đã cố ý ghi sai họ.

Tại Bản tự khai 30/12/2024 ông Phạm Văn T1 trình bày: Ông là em trai nguyên đơn, tháng 4/2021 nguyên đơn mượn ông 20.000.000 đồng, ông nghe nguyên đơn bảo mượn giúp cho bà L1 nhưng ông không biết bà L1 mà chỉ biết cho nguyên đơn mượn. Giấy vay tiền ngày 15/4/2021 có tên ông là do ông có cho nguyên đơn vay, hiện nay nguyên đơn đã trả đủ tiền mượn cho ông.

Tại Bản tự khai ngày 30/12/2024 bà Phạm Thị H trình bày: Tháng 5/2021 nguyên đơn có mượn bà 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), khi giao tiền thì nguyên đơn nói vay cho bà L1. Nguyên đơn đã trả đủ số tiền nói trên cho bà. Đối với giấy vay tiền ngày 13/5/2021 do nguyên đơn và bị đơn ký tên có nội dung bị

đơn vay bà H và nguyên đơn 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) có nêu tên bà là do nguyên đơn mượn của bà 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Do đó, bà đề nghị Toà án xem xét giải quyết bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn

*Tại Bản tự khai ngày 19/3/2025 bà Nguyễn Thị X trình bày:* Ngày 30/6/2021 bà có cho nguyên đơn mượn 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Số tiền này nguyên đơn đã trả cho bà vào năm 2022. Việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền bà không biết.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến. Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 463, 466, 469 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả 184.000.000 đồng cho nguyên đơn. Về án phí và chi phí tố tụng khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1]. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo giấy vay tiền lập ngày 15/4/2021, ngày 13/5/2021, ngày 30/6/2021 và 11/4/2022 đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự về vay mượn tài sản; bị đơn có hộ khẩu cư trú tại thành phố Đ. Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2]. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn xác định bà Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị X và ông Phạm Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy việc nguyên đơn vay tiền của bà H, bà X và ông T1 không liên quan đến việc nguyên đơn cho bị đơn vay mượn tiền trong vụ án này. Do đó bà H, bà X và ông T1 chỉ tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách người làm chứng có biết việc nguyên đơn cho bị đơn vay tiền trong vụ án .

[3]. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn, người làm chứng bà Phạm Thị H, bà Nguyễn Thị X nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phạm Văn T1 vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[4]. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 11/4/2022, thấy: Tại Bản tự khai ngày 10/12/2024 và ngày 18/3/2025 bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký trên giấy vay tiền ngày 11/4/2022 do chính bị đơn ký và viết. Bị đơn trình bày đã trả hết tiền nợ cho nguyên đơn tại giấy mượn tiền này

nhưng bị đơn không thu hồi giấy nợ. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả hết tiền đã vay cho nguyên đơn tại giấy vay tiền ngày 11/4/2022.

[5]. Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 50.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 15/4/2021; 30.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 13/5/2021 và 54.000.000 đồng tại giấy vay tiền ngày 30/6/2021, thấy: Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn không thừa nhận chữ ký và chữ viết “Nguyễn thị luyến” dưới mục người vay tại 03 giấy vay tiền trên. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 267/KL-KTHS, ngày 18/4/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Q kết luận: Chữ ký dưới mục “Người Vay Ký” trên mẫu cần giám định ký hiệu A1, dưới mục “Người vay Ký tên” trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 và dưới mục “Người vay Ky” trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký đứng tên “Nguyễn thị luyến, chữ viết “luyến” trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3, M4 và M5 là do cùng một người ký ra. Từ kết quả giám định cho thấy bị đơn đã vay của nguyên đơn 134.000.000 đồng tại các giấy vay tiền ngày 15/4/2021; ngày 13/5/2021 và ngày 30/6/2021. Quá trình thu thập chứng cứ bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả hết tiền đã vay cho nguyên đơn tại các giấy vay tiền này.

[6]. Từ phân tích tại các mục [4] và [5] thấy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết 04 hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn vào ngày 15/4/2021; ngày 13/5/2021; ngày 30/6/2021 và ngày 11/4/2022, các Hợp đồng này thỏa mãn các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết. Kể từ thời điểm vay tiền cho đến nay, bị đơn chưa thanh toán tiền đã vay cho nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại các hợp đồng vay tài sản đã ký kết, do đó việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có căn cứ được chấp nhận nên cần áp dụng các Điều 463, Điều 466 và 470 Bộ luật Dân sự để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 184.000.000 đồng.

[7]. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả tiền tại các hợp đồng vay tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Quá trình thu thập chứng cứ, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết của bị đơn tại các hợp đồng vay tiền, chi phí hết 4.350.000 đồng. Do các đương sự không thỏa thuận việc chịu chi phí tố tụng, căn cứ khoản 2 Điều 161 của Bộ luật Tố tụng dân sự, buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng; do nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng nên buộc bị đơn phải trả tiền chi phí tố tụng cho nguyên đơn.

[9]. Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn có đơn xin miễn án phí và là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[10]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì những lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 117, 119, 357, 463, 467, 468 và 470 Bộ luật Dân sự; Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc buộc bà Nguyễn Thị L phải trả nợ vay tại các hợp đồng ký kết giữa hai bên ngày 15/4/2021; ngày 13/5/2021; ngày 30/6/2021 và ngày 11/4/2022.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho bà Phạm Thị B 184.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi tư triệu đồng*).

3. Tuyên bố, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bà Nguyễn Thị L phải chịu 4.350.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) chi phí giám định, bà Phạm Thị B đã trả tiền chi phí giám định, do đó buộc bà Nguyễn Thị L phải trả 4.350.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) cho bà Phạm Thị B.

5. Bà Phạm Thị B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/6/2025. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS thành phố Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Phan Thị Mỹ Trang**

